

Bản án số: 185/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20/12//2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sỹ Quang
Ông Phạm Công Định

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 213/2021/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 214/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/12/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Đồng Đức Qu, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Ph, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Đồng Thị T, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang cư trú tại Nhật Bản.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Đồng Đức Qu trình bày: Anh và chị Đồng Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 25/11/2014. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên to tiếng và đã sống ly thân. Năm 2018 chị T sang Nhật Bản lao động, cũng từ đó vợ chồng ít

liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T .

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chưa có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, tài sản chung vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay chị Đồng Thị T đang lao động tại Nhật Bản, không có mặt tại Việt Nam, anh Qu không cung cấp được địa chỉ của chị T ở nước ngoài nên Tòa án đã xác minh tại gia đình chị T . Bà Phạm Thị H1 - mẹ đẻ của chị T cho biết, chị T và anh Qu kết hôn với nhau vào năm 2014. Anh, chị chưa có con chung. Năm 2018 chị T đi lao động tại Nhật Bản, nhưng trước đó vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn dẫn đến hay cãi nhau. Từ khi chị T đi nước ngoài thì anh chị không còn liên lạc hay quan tâm đến cuộc sống của nhau. Việc anh Qu có đơn xin ly hôn, chị T có biết và cũng nhất trí ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Bà không biết địa chỉ cụ thể của chị T ở Nhật Bản nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên chị T thường xuyên liên lạc với gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị T biết. Chị T có quan điểm đồng ý ly hôn với anh Qu. Về con chung, tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị T và anh Qu đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Qu được ly hôn chị T . Về con chung: Không có nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Các bên không đề nghị, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: anh Qu phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Đồng Thị T hiện đang lao động tại Nhật Bản. Anh Đồng Đức Qu có hộ khẩu thường trú tại Thôn Ph, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Qu không cung cấp được địa chỉ của chị T ở Nhật Bản. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC - PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân tối cao, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị T cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình chị T thì được biết, chị T thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Phạm Thị H1. Bà H1 đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị T biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Chị T đã được gia đình thông báo và Tòa án cũng đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật. Thông qua gia đình chị T có quan điểm xin xét xử vắng mặt. Anh Qu cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Qu, chị T .

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Đồng Đức Qu và chị Đồng Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 25/11/2014, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 1 thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, sau đó anh chị đã sống ly thân. Năm 2018 chị T sang Nhật Bản lao động, và cũng từ đó anh chị không liên lạc và không còn quan tâm đến nhau. Nay anh Qu xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn chị T . Thông qua gia đình chị T cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T , anh Qu đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Qu.

- *Về con chung*: Anh chị không có con chung nên không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Đồng Đức Qu phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 37; Khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đồng Đức Qu được ly hôn chị Đồng Thị T.

2. Về con chung: Không có nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Đồng Đức Qu phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) anh Qu đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0004278 ngày 14 tháng 10 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh Qu đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Đồng Đức Qu, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Đồng Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương
- Lưu hồ sơ; Lưu VP; Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền